TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2018/HSST
Ngày: 25-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Lê Thị Thanh Vân**
Cán bộ tư pháp phường M – thành phố L

2. **Ông Trần Hùng Bích**
Cán bộ hưu trí phường P – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: **Ông Trần Quốc Toản** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2018/HSST ngày 27/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST-HS ngày 10/9/2018 đối với bị cáo:

Lê Thành T, sinh năm 1983 tại huyện TT, tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 648, ấp T, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hoàng P(chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc L; bị cáo có vợ là Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1985, đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 03/4/2018 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1. Ông Trương Hùng D, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 47/10, khóm N,

phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: số 47/10, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Kim N, sinh năm 1967. Địa chỉ: số 61/26, khóm P, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 61/26, khóm P, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Ông Phan Hùng A, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 15/4, khóm Mỹ Quới, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 13/10, đường Trần Hưng Đ, khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

5. Anh Đỗ Hiếu T, sinh năm 1993. Địa chỉ: số 36/4, khóm Đ, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành T làm thuê cho bà Trần Thị T tại vựa gà NL nằm trong khu vực chợ thủy hải sản thuộc phường T, thành phố L. Khoảng tháng 4/2017, T thấy bà T để quên chìa khóa tủ đựng tiền tại vựa gà nên lén lấy đem đến tiệm sửa khóa làm thêm 01 chìa. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/4/3018, lợi dụng lúc bà T cùng chồng là Trương Hùng D đi giao gà, T tắt nguồn điện hệ thống camera, mở tủ đựng tiền thì bị bà T, ông D trở về phát hiện bắt giữ giao cho Công an phường T lập biên bản phạm tội quả tang. Tại thời điểm trên, trong tủ của bà T, ông D có 674.800.000đ.

Công an phường T, thành phố L tiến hành thu giữ tài sản của T gồm: 01 nhẫn kim loại vàng 18k, trọng lượng 2,95 chỉ, 01 điện thoại Iphone 7plus màu đen, 01 xe mô tô biển số 67B2-076.52, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67B2-076.52, giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thành T và các vật dụng cá nhân.

Ngày 03/5/3018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố L kê biên 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 11,47 chỉ, do T cầm cho bà Nguyễn Thị Lệ D chủ tiệm cầm đồ MD ở phường Q, thành phố L.

Quá trình điều tra, T còn khai nhận: Từ tháng 5/2017 đến ngày 27/3/2018, T đã nhiều lần mở tủ lấy trộm tiền, vàng của bà T, ông D, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 5/2017, T lấy trộm 01 chiếc lắc tay vàng 18k, trọng lượng 39,47 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ. Sau đó, T nhờ người không rõ họ tên, địa chỉ nấu lại vàng và đem bán bán được 34.000.000đ, T sử dụng vào đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu với những người không rõ họ tên, địa chỉ.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 9/2017, T lấy trộm 7.000.000 đồng sử dụng đánh bạc với những người không rõ họ tên, địa chỉ dưới hình thức lắc tài xỉu.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 10/2017, T lấy trộm 6.500.000 đồng sử dụng đánh bạc với những người không rõ họ tên, địa chỉ dưới hình thức lắc tài xỉu.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 02/2018, T lấy trộm 5.000.000 đồng sử dụng đánh bạc với những người không rõ họ tên, địa chỉ dưới hình thức lắc tài xỉu.

Lần thứ năm: Ngày 27/3/2018, T lấy trộm 6.700.000 đồng sử dụng đánh bạc với những người không rõ họ tên, địa chỉ dưới hình thức lắc tài xỉu.

Kết luận định giá số 44/KL-HĐ ngày 04/6/2018 của Hội đồng Định giá trong tố tụng hình sự, xác định: 01 chiếc lắc tay vàng 18k, trọng lượng 39,47 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, tổng trị giá tài sản định giá: 126.651.740 đồng.

Cáo trạng số: 88/CT-VKS ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Lê Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thành T từ 03 năm đến 04 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông Trương Hùng D, bà Trần Thị T 155.851.740đ (một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).

Đối với yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) do bị cáo vay trong thời gian làm thuê. Đây là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án này, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị công nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Lệ D được quyền sử dụng, định đoạt đối với sợi dây chuyền 11,47 chỉ vàng 18k do bị cáo T cầm cho bà D;

Đề nghị hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01 ngày 03/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố L đối với sợi dây chuyền, vàng 18k, trọng lượng 1,147 cây vàng (một cây một chỉ bốn phân bảy li).

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen, model A16661; FCCID: BCG-E3087A; IC: 579C-E3087A, đã qua sử dụng; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 2,95 chỉ, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô 67B2-076.52, số khung: RLHJC3508Y033438, số máy: JC35E-0033532; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B2-076.52, số 073106; 01 chai nước hoa hiệu Polo; 01 quần lót; 02 cái quần jean; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thành T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa bằng kim loại, không có giá trị sử dụng.

* Bị cáo Lê Thành T khai nhận:

Từ tháng 5/2017 đến tháng 4/2018 bị cáo đã 06 lần thực hiện hành vi lấy trộm tiền, vàng của bà Trần Thị T và ông Trương Hùng D như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, lần bị cáo lấy trộm 01 chiếc lắc tay vàng 18k, trọng lượng 39,47 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, bị cáo nhờ người không rõ họ tên, địa chỉ nấu lại vàng và bán được 39.000.000 đồng, bị cáo trả công cho người này 5.000.000đ, còn lại 34.000.000đ sử dụng vào đánh bạc thua hết. Ngày 03/4/2018, bị cáo định mở tủ tiền của bà T, ông D lấy trộm khoảng 4.000.000đ như các lần trước để đánh bạc thì bị phát hiện bắt giữ.

Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại và đồng ý xử lý các tài sản do Công an thành phố L thu giữ để bồi thường phần nào cho người bị hại, riêng 01 chai nước hoa hiệu Polo, 02 quần jean, quần lót, 01 giấy chứng minh nhân dân là tài sản cá nhân, bị cáo yêu cầu được nhận lại. Đối với sợi dây chuyền của bị cáo cầm cho bà Nguyễn Thị Lệ D, bị cáo đồng ý giao cho bà D sử dụng, định đoạt để khấu trừ vào số tiền 23.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ khi cầm cố đến nay.

Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo không có ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua.

* Người bị hại bà Trần Thị T, ông Trương Hùng D trình bày: bị cáo T làm công cho ông bà khoảng 03 năm, công việc hàng ngày là giao gà cho các khách hàng từ 11 giờ khuya đến 07 giờ sáng, thời gian còn lại thì T nghỉ ngơi tại nơi bán. Ông bà tin tưởng bị cáo và xem như con cháu, không ngờ bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lấy trộm vàng, tiền trong tủ. Ngày 03/4/2018, khi bị cáo đang mở tủ định lấy trộm thì ông bà phát hiện giao Công an phường T xử lý. Số tiền thực tế bị mất nhiều hơn bị cáo khai nhưng bị hại không xác định và có chứng cứ. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các tài sản bị mất với số tiền như nội dung Cáo trạng. Ngoài ra, bị cáo có vay riêng của bị hại 10.000.000đ để tiêu xài nên yêu cầu bị cáo phải trả lại.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Lệ D trình bày: Ngày 15/02/2018 âm lịch (ngày 31/3/2018 dương lịch), bị cáo đem sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,147 chỉ đến cầm cho bà D với số tiền 23.000.000đ đến nay chưa chuộc lại, hiện số tiền nhận cầm vàng và tiền lãi phát sinh tương đương với giá trị vàng bị cáo cầm. Bà D đồng ý lấy sợi dây chuyền nêu trên theo yêu cầu của bị cáo để khấu trừ vào số tiền cầm vàng và tiền lãi suất phát sinh. Yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản của Công an thành phố L để bà được quyền sử dụng, định đoạt sợi dây chuyền nêu trên.

Bà Ngô Thị Kim N, ông Huỳnh Văn H, ông Phan Hùng A trình bày: Khoảng tháng 9/2017, ông Hùng Anh bán chiếc xe mô tô biển số 67B2-076.52 cho ông Hận và nhờ bà Nho (mẹ đẻ Hận) đứng tên sở hữu, do không có nhu cầu sử dụng nên đã bán lại cho anh Đỗ Hiếu Thành. Sau đó, Thành bán lại cho Tâm giá 21.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Các ông bà không yêu cầu và không ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiếu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Hiếu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và làm rõ các tình tiết vụ án, đại diện Viện kiểm sát không ý kiến cũng như việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

Từ ngày 05/12/2017 đến ngày 03/4/2018, T đã nhiều lần dùng thủ đoạn lợi dụng sở hở của người bị hại để thực hiện hành vi lấy trộm tài sản (tiền, vàng) để đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 155.851.740đ (một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi đồng). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo Lê Thành T theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thành T từ 03 năm đến 04 năm tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Việc bị cáo lấy trộm tài sản vào ngày 03/4/2018, trong tủ của người bị hại có 674.800.000đ nhưng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận mục đích lấy trộm khoảng 4.000.000đ để tiếp tục đánh bạc thì bị phát hiện. Xét thấy, mục đích phạm tội là kết quả của ý thức chủ quan mà bị cáo đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội, mục đích này được thể hiện phù hợp với hậu quả của các lần phạm tội trước đó. Lần phạm tội này, bị cáo chưa hoàn

thành nhưng ý thức chiếm đoạt và hành vi phạm tội đã thực hiện. Do đó, việc khởi tố, truy tố bị cáo về ý thức chiếm đoạt tài sản nêu trên là có căn cứ.

Đối với lời khai của bị cáo dùng tiền lấy trộm sử dụng vào việc đánh bạc và mua sắm tài sản do đánh bạc mà có, ngoài lời khai của bị cáo, không còn chứng cứ nào khác, cũng như không xác định được nơi bị cáo đánh bạc, người tổ chức đánh bạc nên Cơ quan điều tra làm rõ, xử lý hành vi này.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo là thanh niên trưởng thành, khỏe mạnh, có đủ chính chắn để nhận thức được hành vi của bản thân. Bị cáo có công việc làm, có thu nhập ổn định nhưng bị cáo không dùng số tiền lao động cực nhọc để bù đắp cho bản thân và giúp ích cho gia đình, ngược lại bị cáo dùng tiền này để đánh bạc, khi thua bạc thì liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội, lén lút trộm cắp tài sản tại chính nơi bị cáo đang làm công, điều này làm ảnh hưởng đến lòng tin của bị hại đối với bị cáo, tạo tâm lý hoang mang lo sợ giữa người thuê lao động và người lao động. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ban ngày, tại chợ được xem là nơi có nhiều người qua lại mua bán, điều này thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, bất chấp tất cả để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhiều lần.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại, lấy chìa khóa tủ đựng tiền, nhờ thợ làm lại chìa khóa khác tương tự để thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản, các lần phạm tội điều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, điều này thể hiện tính chuyên nghiệp của bị cáo, tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ thuộc tình tiết tăng nặng định khung và tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, c Điều 173 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo tự thú các lần phạm tội trước, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là

có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 155.851.740đ (một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng) và được bị cáo đồng ý nên công nhận sự tự nguyện này.

Đối với yêu cầu của bị hại, yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) bị cáo vay của bị hại trong thời gian làm thuê. Xét thấy, việc vay tài sản giữa bị hại và bị cáo là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác, nếu có đơn yêu cầu.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Lệ D sử dụng, định đoạt sợi dây chuyền 18k, trọng lượng 1,147 chỉ, để khấu trừ vào số tiền 23.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ khi cầm cố đến nay và được bà D đồng ý (Theo phiếu cầm đồ kiêm khế ước ngày 15/02/2018 âm lịch giữa dịch vụ cầm đồ Mỹ Duyên và bị cáo Lê Thành T – BL 44). Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Thành Tâm và bà Nguyễn Thị Lệ D phù hợp với quy định tại các Điều 188, 189, 191, 192, 194 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D, Hội đồng xét xử hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01 ngày 03/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố L đối với sợi dây chuyền, vàng 18k, trọng lượng 1,147 cây vàng (một cây một chỉ bốn phân bảy li).

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an thành phố L có chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố L theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/9/2018, gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen, model A16661; FCCID: BCG-E3087A; IC: 579C-E3087A, đã qua sử dụng; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 2,95 chỉ, đã qua sử dụng; 01 chai nước hoa hiệu Polo; 01 quần lót; 02 cái quần jean; 01 xe mô tô 67B2-076.52, số khung: RLHJC35085Y033438, số máy: JC35E-0033532; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B2-076.52, số 073106; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thành T. Đây là các tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 chìa khóa bằng kim loại, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 7.792.000đ (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015;

Điều 106, Điều 136; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Điều 188; Điều 189; Điều 191; Điều 192; Điều 194 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Hiếu T.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: **Bị cáo Lê Thành T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự

Buộc bị cáo Lê Thành T phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị T, ông Trương Hùng D số tiền 155.851.740 (một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Không xem xét, giải quyết về việc bị hại yêu cầu bị cáo trả số tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng). Yêu cầu này là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án. Trường hợp các bên có tranh chấp được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác, nếu có đơn yêu cầu.

[3] Quyền đối với tài sản

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01 ngày 03/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố L đối với sợi dây chuyền, vàng 18k, trọng lượng 1,147 cây vàng (một cây một chỉ bốn phân bảy li).

Bà Nguyễn Thị Lệ D được quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt sợi dây chuyền 18k, trọng lượng 1,147 cây vàng (một cây một chỉ bốn phân bảy li) theo phiếu cầm đồ kiêm khế ước ngày 15/02/2018 âm lịch giữa dịch vụ cầm đồ MD và bị cáo Lê Thành T.

[4] Xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus màu đen, model A16661; FCCID: BCG-E3087A; IC: 579C-E3087A, đã qua sử dụng; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, trọng lượng 2,95 chỉ, đã qua sử dụng; 01 chai nước hoa hiệu Polo; 01 quần lót; 02 cái quần jean; 01 xe mô tô 67B2-076.52, số khung: RLHJC35085Y033438, số máy: JC35E-0033532; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67B2-076.52, số 073106; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thành T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa bằng kim loại, không có giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang)

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 7.792.000đ (Bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Lê Thành T; bị hại Trương Hùng D, Trần Thị T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- NCQL và NVLQ;
- Chi cục T.H.A TPLX;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPLX;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam